

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 5 - 2019

*"V/v Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình".*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Ân.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

2. Ông Huỳnh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 586/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Đặng Ngọc S** - sinh năm: 1968 (vắng, có đơn xin vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Chị **Trương Thị Bích T** - sinh năm: 1979 (vắng, có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã Q, huyện V, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18-9-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T do tự quen biết và được sự đồng ý của 02 bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1997, theo anh nhớ thì anh và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, nhưng nay anh xin trích lục tại Ủy ban nhân dân xã Q thì tìm thấy và anh cũng không có giữ Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh với chị T để cung cấp cho Tòa án.

Sau ngày cưới anh chị sống chung với cha mẹ ruột của anh S tại ấp Đ, xã Q, huyện V, tỉnh T. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm dành cho nhau không còn. Anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2015 đến nay.

Nay anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị Bích T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc K, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1998 và cháu Đặng Ngọc Như T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2002. Hiện nay cháu Khánh đã thành niên nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Thùy đang sống chung với chị T và có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với chị. Sau khi ly hôn anh S đồng ý để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thùy và anh không cấp dưỡng nuôi cháu Thùy.

- Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn chị Trương Thị Bích T:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất theo lời trình bày của anh S. Theo chị T nhớ thì chị và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, nhưng nay xin trích lục tại Ủy ban nhân dân xã Q thì tìm thấy và chị cũng không có giữ Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị với anh S để cung cấp cho Tòa án.

Nay chị T đồng ý ly hôn với anh S.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc K, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1998 và cháu Đặng Ngọc Như T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2002. Hiện nay cháu Khánh đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Thùy đang sống chung với chị T và có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thùy và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Thùy.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 15 tháng 3 năm 2019: cháu Đặng Ngọc Như T có nguyện vọng muốn sống chung với chị T.*

** Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:*

- Nguyên đơn đã nộp: Đơn xin xác nhận, Trích lục khai sinh (bản sao), Giấy khai sinh (bản sao), Đơn xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại tòa án.

- Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến, Đơn xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Anh S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa anh và chị T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- Anh S và chị T có đơn xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S và chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh S và chị T do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 1997, theo anh chị trình bày có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q nhưng anh chị không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án do đó theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì anh S và chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- *Về con chung:* Anh S và chị T thống nhất xác định có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc K, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1998 và cháu Đặng Ngọc Như T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2002.

Hiện nay cháu Khánh đã thành niên nên anh S và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

Cháu Thùy đang sống chung với chị T và có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với chị T. Sau khi ly hôn anh S và chị T thống nhất giao cháu Thùy cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh S không phải cấp dưỡng nuôi cháu Thùy nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh S và chị T về con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung:* Anh S và chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Anh S và chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Đặng Ngọc S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận anh Đặng Ngọc S và chị Trương Thị Bích T là vợ chồng.

- *Về con chung:* Anh Đặng Ngọc S và chị Trương Thị Bích T có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc K, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1998 và cháu Đặng Ngọc Như T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2002.

Hiện nay cháu Đặng Ngọc K đã thành niên nên anh Đặng Ngọc S và chị Trương Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

Giao cháu Đặng Ngọc Như T cho chị Trương Thị Bích T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Ngọc Như T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung:* Anh Đặng Ngọc S và chị Trương Thị Bích T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Anh Đặng Ngọc S và chị Trương Thị Bích T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Đặng Ngọc S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009478 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Đặng Ngọc S đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Chị Trương Thị Bích T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Văn Ân